

TRAO ĐỔI



Ý KIẾN

**VẤN ĐỀ DÂN TỘC THIỂU SỐ Ở
NƯỚC TA TRONG TẦM NHÌN
ĐẾN NĂM 2020**

MẠC ĐƯỜNG

Trong hơn một thập kỷ qua (1990 – 2004), vùng dân tộc thiểu số ở nước ta đã có những biến đổi xã hội cơ bản rất to lớn. Mức sống ngày nay đã cao hơn nhiều lần so với những năm 90 nhờ thực hiện các chính sách phát triển kinh tế xã hội và sử dụng nguồn tài trợ quốc gia và quốc tế dành cho sự phát triển vùng dân tộc thiểu số. Thực tiễn cuộc sống đã chứng minh, xã hội các dân tộc thiểu số ngày nay so với năm 1990 là rất khác nhau; tiến bộ xã hội chiếm vị trí ngày càng rõ, số làng người dân tộc có điện dùng trong sinh hoạt, có đường ô tô đến tận xã, có số hộ giảm nghèo, vượt nghèo và xóa đói ngày càng nhiều. Ngay cả những vùng sâu, vùng xa biên giới như Mèo Vạc (Hà Giang), Mường Tè (Lai Châu), Sa Thày (Kon Tum), Dak Rlap (Dak Nông), Bù Gia Mập (Bình Phước), Bác Ái (Ninh Thuận), Lộc Ninh (Tây Ninh), Tri Tôn (An Giang)..., đời sống của đồng bào dân tộc thiểu số hiện nay so với hơn một thập kỷ trước đây đã có nhiều thay đổi.

Từ nay đến năm 2020, đất nước ta đang và sẽ vươn tới thành một quốc gia công nghiệp về cơ bản, tức là một quốc gia có nền công nghệ đạt trình độ cao, tỷ lệ các nhà máy, xí nghiệp phải chiếm khoảng 60% trong cơ cấu nền kinh tế quốc gia (*hiện nay công nghiệp chiếm dưới 20%*); thu nhập bình quân đạt mức 5.000 USD/người/năm (*hiện nay chỉ có 800 USD/người/năm*); dân số đô thị chiếm 40% trong tổng số dân số (*năm 2003, dân số đô thị nước ta chỉ chiếm khoảng trên 23%*); dân số có học vấn trung học cơ sở phải đạt 80% (*hiện nay đạt mức gần 20% trong toàn quốc*).

Ngay từ ngày hôm nay cần có tầm nhìn đến năm 2020. Nhiều thông tin chính thức của các cơ quan quốc tế ở Việt Nam như WB, UNDP, ADB... đã cảnh báo xu hướng mở rộng khoảng cách giàu nghèo ở nước ta. Xu hướng này tạo ra những lộ trình phát triển không bền vững, những thành tích “ảo” mang tính nhất thời. Nếu không ngăn chặn, nó là những quả bom kinh tế (economic bomb), những quả bom chính trị (political bomb) sẽ có cơ hội nổ ra. Hiện tượng này bao trùm các nước Châu Á - Thái Bình Dương trong thế kỷ XXI, nơi có tốc độ phát triển kinh tế và đô thị hóa mạnh mẽ nhất trên toàn cầu. Vùng dân tộc thiểu số ở các nước Châu Á - Thái Bình Dương có nhiều khả năng rơi vào sự cách biệt về mức sống và văn hoá ngày càng khuếch tán so với dân tộc đa số trong các quốc gia nói trên. Đó là một nguy cơ mang tính nghịch lý sâu sắc: *kinh tế phát triển nhanh và nhộn nhịp, nhưng an ninh và bất ổn định xã hội lại có nhiều cơ hội để có thể bùng nổ trong tương lai. Tình hình này đòi hỏi chúng ta có một tầm nhìn xa đối với vấn đề xã hội ở nước ta, trong đó có vấn đề dân tộc thiểu số.*

I. CHÍNH SÁCH DÂN TỘC THIỂU SỐ Ở NƯỚC TA TRONG TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2020

Từ Cách mạng Tháng 8 năm 1945 cho đến nay, quan niệm về chính sách đối với đồng bào dân tộc thiểu số qua hiến pháp, luật dân sự và các chính sách của nhà nước ta có thể tóm tắt như sau:

1. Nhà nước thực hiện chính sách bình đẳng, đoàn kết và khuyến khích sự giúp đỡ lẫn nhau cùng phát triển đối với 54 thành phần dân tộc.

2. Nhà nước tạo điều kiện ưu tiên cho các dân tộc thiểu số phát triển và tiến bộ hướng tới một xã hội Việt Nam dân giàu, nước mạnh, dân chủ, văn minh chung cho tất cả các dân tộc, trong đó có các dân tộc thiểu số.

3. Phát huy truyền thống văn hoá, phong tục, tập quán tốt đẹp và ngôn ngữ dân tộc, tôn trọng sự tín ngưỡng và không tín ngưỡng của các dân tộc.

4. Thực hiện các chính sách kinh tế – xã hội phải phù hợp với đặc điểm từng vùng dân tộc và từng dân tộc.

Tất cả 4 nội dung trên có thể phát triển đa dạng trong thời gian cụ thể để phù hợp với các bối cảnh lịch sử và đáp ứng nhu cầu ngày càng nâng cao của đồng bào dân tộc. Nhưng, có một nguyên tắc cơ bản (basic principle) bất di, bất dịch làm mẫu số chung cho các hoạt động xã hội (social action) ở vùng dân tộc thiểu số: Đó là *Việt Nam – quốc gia thống nhất duy nhất của các dân tộc; đại đoàn kết toàn dân là mối quan hệ dân tộc bền vững trong một nhà nước chung của các dân tộc ở Việt Nam.*

Đây là một quan điểm cơ bản bao trùm mọi động thái chính sách về vấn đề dân tộc thiểu số trong mối tương quan với dân tộc đa số ở nước ta mà Chủ tịch Hồ Chí Minh đã chỉ ra. *Đó cũng là con đường phát triển của 54 thành phần dân tộc ở nước ta trong tầm nhìn đến năm 2020.* Chủ nghĩa đế quốc và kẻ thù của các dân tộc ở Việt Nam đã tốn bao nhiêu tiền của, súng đạn, bày ra lắm âm mưu lừa mị, lôi kéo bao nhiêu người lầm đường để quyết phá vỡ nguyên tắc cơ bản này. Ngược lại, nhân dân các dân tộc Việt Nam đã hiến dâng bao nhiêu xương máu để bảo vệ sự thống nhất quốc gia, bảo vệ khối đại đoàn kết toàn dân như bảo vệ chính “*con người của mình*”.

Để đoàn kết chống kẻ thù mạnh hơn mình trong thời kỳ 1945-1947, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã có một quan điểm giai cấp rất khoan dung

(tolerance) và rộng mở trên vấn đề dân tộc. Vua Mèo Vương Chí Thành có một đội dân binh hùng cứ tại Hà Giang làm cho Pháp – Nhật và Tàu Tưởng ở biên giới rất lo sợ. Nhưng, với Bác Hồ, vua Mèo Vương Chí Thành đã nhanh chóng trở thành vị đại biểu Quốc hội đầu tiên của nước Việt Nam Dân Chủ Cộng Hòa. Hai con trai của vua Mèo trở thành Đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam và sau này là cán bộ cao cấp của nhà nước ta. Quan lang Đình Công Niết có uy thế lớn ở vùng Mường Hòa Bình cũng từ bỏ giàu sang, quyền thế để theo Bác Hồ và sau này cũng trở thành người Cộng sản và cán bộ cao cấp. Có thể kể đến những người quyền quý trong các gia đình phiá tạo họ Cẩm, họ Sa ở vùng Thái Tây Bắc, các trí thức xuất thân từ tầng lớp trên rất có uy thế ở Tây Nguyên như bác sĩ Y Ngông, nhà trí thức Y Wang, Nay Đer, Nay Phin, những trí thức con nhà giàu sang như bác sĩ Y Phương (Tây Nguyên), Bó Xuân Hội, Solei man (người Chăm), Lâm Phái, Trịnh Thới Cang (người Khomer), Nghị Đoàn (người Hoa Nam Bộ) v.v... Tất cả họ không phải là thành phần cơ bản nhưng đã theo Bác Hồ góp phần xây dựng nhà nước công nông đầu tiên ở Đông Nam Á. Hơn thế nữa, trong hai cuộc kháng chiến vĩ đại mà chúng ta đã làm nên một Điện Biên Phủ và một mùa xuân năm 1975 giải phóng toàn miền Nam, nhân dân lao động các dân tộc cả nước đã ghi công tuyệt vời để tạo thành một nước Việt Nam thống nhất như ngày nay, trong đó có sự đóng góp to lớn của các dân tộc thiểu số. Ta thử hỏi, cái nôi cách mạng kể từ Pắc Bó đến chiến khu Việt Bắc, rừng U Minh, những chiến khu kháng chiến, những căn cứ nuôi quân và xuất quân trong 30 năm đánh giặc là ở đâu? Ở VÙNG DÂN TỘC THIỂU SỐ. Ai là người che dấu, bảo toàn cán bộ, quân đội trong suốt 30 năm ấy ở các chiến khu, vùng căn cứ cách mạng? ĐỒNG BÀO CÁC DÂN TỘC THIỂU SỐ. Chính sách dân tộc của nhà nước ta đối với đồng bào dân tộc thiểu số đẹp như một vườn hoa thơm với nhiều sắc màu rực rỡ. Nhưng, trong một vườn hoa thơm bất kỳ nào cũng có những cành hư, lá thối. Chúng ta đã từng biết những hiện tượng định

kiến, đổ kỵ, thiếu niềm tin đối với cán bộ người dân tộc và đồng bào dân tộc thiểu số trong những bối cảnh lịch sử nhất định, ngay cả khi kẻ thù có âm mưu bạo động. Hãy nhìn lại những sai sót trong vụ Sơn Hà ở miền Tây Quảng Ngãi trong thời kỳ kháng chiến chống Pháp; vụ “gây phi” ở Hà Giang và vụ “đạy chữ Mèo” ở miền Tây Nghệ An trong những năm 60; kinh nghiệm dùng vũ lực không thành công trong việc chống Fulro ở Tây Nguyên giai đoạn 1975-1978; việc dời làng qui mô ở miền biên giới chống Pôn Pốt; sự cực đoan “sớm đánh, tối hàng” đối với cán bộ và đồng bào Khơme trong một vụ án nổi tiếng ở tỉnh Cửu Long vào những năm 1980; việc qui định 6 họ người Hoa phải rời khỏi những chức vụ trong bộ máy nhà nước làm đau lòng những cán bộ Hoa có nhiều thành tích xuất sắc, đã qua thử thách trong kháng chiến chống Pháp và chống Mỹ... Từ năm 1976, một kế hoạch di dân hàng triệu người lên Tây Nguyên để xây dựng Tây Nguyên giàu mạnh, giúp các dân tộc bản địa phát triển là hết sức cần thiết và đúng đắn. Các dân tộc Tây Nguyên đã hân hoan chào đón đồng bào Kinh lên xây dựng vùng kinh tế mới. Nhưng, đã không có những qui định cụ thể nhằm ngăn ngừa sự xâm phạm vùng đất ở, rừng sinh tồn và nguồn nước của đồng bào các dân tộc bản địa, sự vi phạm đối với các phong tục tập quán của các dân tộc và thái độ miệt thị người dân tộc thiểu số. Trong khi đó, chính quyền địa phương không kiểm soát được bọn gian thương mua hàng của đồng bào dân tộc như cho, bán hàng cho bà con như cắt cổ, tìm mọi cách dụ dỗ chiếm đất, lấy gỗ quý, thú rừng hiếm để làm giàu nhanh. Tư tưởng xem người Việt là dân tộc chủ thể của đất nước đã lấn lướt quan niệm làm chủ tập thể Tổ quốc Việt Nam của Đại gia đình các dân tộc Việt Nam. Tư tưởng dân tộc chủ thể của một bộ phận người Việt trong thực tế cuộc sống ở các vùng dân tộc thiểu số đã dẫn đến khuynh hướng vô hiệu hóa vai trò làm chủ đất nước của đồng bào dân tộc thiểu số ở cơ sở, gây tâm lý đối lập giữa dân tộc chủ thể và không chủ thể và tạo ra cơ hội cho sự đổ kỵ, thiếu niềm tin đối với các dân tộc thiểu số, làm cho các dân tộc thiểu số dễ mặc cảm về thân phận thiểu số của mình, dễ rơi rơi

vào tâm lý tự ái dân tộc mang tính trầm cảm sâu sắc. Mặt khác, có một bộ phận cán bộ và dân cư người Việt (Kinh) sinh sống ở vùng dân tộc thiểu số thường tự xem mình là có văn hoá cao, khôn ngoan và thông minh, là dân tộc chủ thể có vai trò quyết định trong việc bảo vệ an ninh, phát triển kinh tế – quốc phòng ở vùng dân tộc thiểu số để rồi sa vào tâm lý xem thường và thiếu tôn trọng người dân tộc thiểu số ở địa phương. Vấn đề dân tộc là một trong những nhiệm vụ chiến lược của cách mạng Việt Nam. Ở nước ta, quan niệm dân tộc đa số (ethnic majority) và dân tộc thiểu số (ethnic minority) chỉ mang tính định lượng về dân số (demographic quantitative) và hoàn toàn không có nội dung phân biệt về định tính chính trị (political qualitative).¹

Tóm lại, hướng tới năm 2020, đất nước ta sẽ phát triển hơn nay, nhiều cơ hội thuận lợi đang chờ đợi, thử thách lớn và nguy cơ lớn cũng từ đó nảy sinh, nhất là trên địa bàn vùng dân tộc thiểu số (vùng dân tộc thiểu số không đồng nghĩa với vùng dân cư miền núi: Hiện nay, có một số chính sách về giáo dục, tài chính, y tế dành cho miền núi mà người Khơ me, người Chăm, người Hoa lao động nghèo đã bị loại ra sự thụ hưởng chính sách của Nhà nước ta vì họ sinh sống ở vùng đồng bằng). Vấn đề dân tộc thiểu số ở nước ta ngày nay phải đặt vào bối cảnh TOÀN CẦU HÓA và KHU VỰC HÓA. Và như vậy, bên cạnh sự thúc đẩy kinh tế, văn hoá, du lịch, quốc phòng trên địa bàn vùng dân tộc thiểu số, chúng ta cần quán triệt sâu sắc quan điểm xem vấn đề dân tộc là một trong những nhiệm vụ chiến lược của cách mạng Việt Nam để thực hiện quá trình công nghiệp hoá, hiện đại hoá hướng tới năm 2020.

¹ Hiện nay, người dân tộc thiểu số bản địa ở Canada được gọi là “The First nation” (dân tộc đầu tiên); ở Australia là “Australian Aborigine” (thổ dân nước Úc); ở Mỹ và Liên Hiệp quốc là “Ethnicity” (dân tộc đô thị); ở nhiều nước khác là “indigenous peoples” (dân tộc bản địa); ở Liên Xô cũ là “Narodur mensinstva” (các dân tộc thiểu số); ở Trung Quốc là “the Chinese nationalities” (các dân tộc ít người Trung Quốc) và rất ít sử dụng khái niệm “tộc người” (ethnic groups).

II. ĐÔ THỊ HÓA, XÓA ĐÓI GIẢM NGHÈO, PHÁT TRIỂN GIÁO DỤC VÀ HƯỚNG NGHIỆP CHO ĐỒNG BÀO DÂN TỘC THIỂU SỐ

Trong những năm qua, nhà nước ta đã có nhiều chính sách cụ thể dành nhiều ngân sách cải thiện vùng dân tộc thiểu số như Chương trình 135, Chương trình mục tiêu xoá đói giảm nghèo, các chương trình hỗ trợ giáo dục, y tế cho hộ nghèo vùng dân tộc, chương trình xây dựng trường dân tộc nội trú, chương trình trồng rừng, khuyến nông, khuyến ngư, chương trình hỗ trợ vốn của Ngân hàng chính sách v.v... Quá trình chuyển dịch kinh tế, nâng cao mức thu nhập gia đình, xây dựng nông thôn mới đang trở thành một phong trào xã hội trong nhân dân các dân tộc thiểu số. Từ năm 1998 cho đến nay, vùng dân tộc thiểu số có đến hàng trăm thị trấn và 848 cụm xã, trong đó có 505 cụm xã ở vùng núi cao Bắc Bộ và Bắc Trung Bộ, hình thành một hệ thống đô thị chung của vùng dân tộc thiểu số nước ta đang phát triển với tốc độ nhanh. Hãy đơn cử vài ví dụ: Tỉnh Lai Châu cũ thuộc *Tây Bắc* có thành phố Điện Biên, các thị trấn Mường Tè, Phong Thổ, Tam Đường, Sin Hồ, Mường Lay, Tủa Chùa, Tuần Giáo, Mường Ảng. Tỉnh Gia Lai thuộc *Tây Nguyên* có thành phố Pleiku, các thị trấn Chư Sê, Kong Chro, An Khê, Chư Prông, Chư Ty, Mang Giang, KBang, Phú Hòa, IA Kha, Phú Túc, Ayunpa, Phú Thiện. Tỉnh An Giang thuộc *Tây Nam Bộ* có thành phố Long Xuyên, các thị trấn An Phú, Nhà Bàng, Chi Lăng, Tri Tôn, Cái Dầu, Chợ Mới, An Châu, Núi Sập, Tân Châu, Chợ Vàm. Các tỉnh có đồng bào dân tộc ở 3 miền Bắc, Trung, Nam, tỉnh nào cũng có vài ba thị trấn đang trong quá trình đô thị hóa với tốc độ nhanh. Trước năm 1998, các thị trấn vùng dân tộc thiểu số nói trên còn là những buôn làng rất cách biệt với đời sống đô thị hiện nay ở nước ta và nay khoảng cách biệt ấy hầu như đã gần hòa đồng. Quá trình đô thị hóa đã có tác động mạnh mẽ thúc đẩy xã hội vùng dân tộc phát

triển toàn diện. Nhưng mặt khác, *xã hội đô thị hiện đại* ấy, các dân tộc thiểu số bản địa ít được thụ hưởng. Sự cách biệt về môi trường sống dẫn tới sự cách biệt về đời sống xã hội và sự cách biệt về đời sống xã hội dẫn tới tâm lý bất đồng thuận trong quan hệ dân tộc giữa người nhập cư và người dân bản địa. Mặc dù nước ta được nhiều tổ chức quốc tế ghi nhận là một quốc gia hàng đầu đã thành công trong cuộc chiến chống đói nghèo, song, hộ nghèo vẫn còn tồn tại khoảng 34% trong toàn quốc và ở vùng dân tộc thiểu số *nạn đói chưa chấm dứt, nạn nghèo cùng cực (extreme poverty) vẫn còn đó, nhất là ở các vùng xa, vùng sâu tỉnh Kon Tum và Gia Lai*. Khoảng cách giàu nghèo ở vùng dân tộc thiểu số có xu hướng là độ cách xa ngày càng lớn giữa đô thị và nông thôn, giữa số đông đồng bào Việt và các dân tộc thiểu số tại địa phương. Do vậy, quá trình đô thị hóa ở đây như hiện nay đang chứa đựng những nhân tố bất đồng thuận rất đáng quan tâm. *Tình trạng đô thị hóa ở ạt không theo quy hoạch (non urban planning) do tác động tự phát của kinh tế thị trường tự do như đang diễn ra ở vùng dân tộc thiểu số nếu không sớm được điều chỉnh sẽ gây ra những hậu quả nghiêm trọng khó lường hết*. Thực hiện xoá đói toàn diện vào năm 2005-2006, hạ thấp tỷ lệ hộ nghèo cùng cực đến mức tối đa, thực hiện chỉ tiêu giảm nghèo mới của quốc gia, giải quyết việc làm, nâng cao dân trí, giúp đỡ các hộ người dân tộc đã vượt nghèo tham dự vào các chương trình chuyển dịch kinh tế, phát triển thương mại, dịch vụ, du lịch, tiểu thủ công nghiệp, giúp bà con lập ra các nông trại nhỏ v.v... vào năm 2010 là những điều kiện cần thiết để thực hiện bình đẳng dân tộc ở nước ta. Đồng thời, cần xúc tiến nhanh những điểm đô thị có dân số từ 1.000 đến 3.000 người, các buôn làng - đô thị, các thị trấn mà 80% dân số ở đây phải là người các dân tộc thiểu số bản địa tại địa phương. Đó là ý tưởng về một chiến lược phát triển xã hội bền vững ở vùng dân tộc thiểu số nước ta trong tầm nhìn đến năm 2020.